

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2026

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thuận

Ông Lê Phú Chánh Thể

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn B, xã M, tỉnh Quảng Trị (trước đây là Thôn B, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp H, xã L, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre)

Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đinh Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh S kết hôn vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, về kinh tế và cách sinh hoạt. Dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 10/9/2018, hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh S đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến Tòa án tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị T về việc ly hôn với ông Nguyễn Thanh S. Về con chung: Giao Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 10/9/2018 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đinh Thị T yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Thanh S, cư trú tại ấp H, xã L, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre) là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do. Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà T, ông S là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S kết hôn vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến đầu năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, về kinh tế và cách sinh hoạt. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà T, ông S đoàn tụ nhưng ông S không đến tham dự các phiên hòa giải, bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đã chứng tỏ ông bà không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông S là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 10/9/2018. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung Tú A hiện nay đang sinh sống ổn định với bà T và có nguyện vọng mong muốn được sống với bà T. Hơn nữa, ông S vắng mặt không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, cần giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà T, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T đối với ông Nguyễn Thanh S.

Bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 10/9/2018 cho bà Đinh Thị T được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Ghi nhận việc bà Đinh Thị T tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh S được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0004130 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã L, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang